

# Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Tôn Nữ Thị Như Quỳnh<sup>1,2</sup>, Trương Thị Đẹp<sup>1</sup>, Đặng Văn Sơn<sup>3\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Trường Cao đẳng Y tế Huế

<sup>3</sup>Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ngày nhận bài 29/6/2018; ngày chuyển phản biện 3/7/2018; ngày nhận phản biện 2/8/2018; ngày chấp nhận đăng 14/8/2018

## Tóm tắt:

Kết quả nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc ở Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sơn Trà, TP Đà Nẵng đã xác định được 657 loài, 396 chi, 133 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, bao gồm Lá thông (*Psilotophyta*), Thông đất (*Lycopodiophyta*), Dương xỉ (*Polypodiophyta*), Thông (*Pinophyta*) và Ngọc lan (*Magnoliophyta*). Trong đó, 16 loài có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục đỏ của IUCN (2017). Hình thức sử dụng cây thuốc cũng được chia làm 3 nhóm gồm: chia theo bộ phận dùng, phương thức sử dụng và nhóm bệnh chữa trị. Dạng sống của cây thuốc được chia làm 7 nhóm, bao gồm: cây thân thảo có 178 loài (chiếm 27,1%), cây bụi có 139 loài (21,2%), dây leo có 122 loài (18,6%), cây gỗ lớn có 65 loài (9,9%), cây gỗ nhỏ có 138 loài (21%), bán ký sinh có 9 loài (1,4%) và phụ sinh có 6 loài (0,9%).

**Từ khóa:** cây thuốc, Đà Nẵng, Sơn Trà, tài nguyên thực vật, thực vật.

**Chỉ số phân loại:** 3.4

## **Đặt vấn đề**

KBTTN Sơn Trà nằm trên bán đảo Sơn Trà thuộc phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, trong hệ thống rừng đặc dụng quốc gia, với diện tích trên đất liền 4.439 ha và một phần biển (500 m tính từ chân núi ra biển). Bán đảo Sơn Trà nằm phía đông bắc TP Đà Nẵng, phía tây bắc giáp vịnh Đà Nẵng, đông bắc giáp biển Đông, tây nam giáp đất liền và cảng sông Hàn. Tọa độ địa lý từ 16°05' đến 16°09' vĩ độ Bắc và từ 108°12' đến 108°20' kinh độ Đông. Hệ sinh thái điển hình của khu bảo tồn là kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới nên có hệ thực vật khá phong phú và đa dạng, đặc biệt nhiều loài có giá trị làm thuốc. Năm 1997, trong công trình “Điều tra khu hệ động - thực vật và nhân tố ảnh hưởng - Đề xuất phương án bảo tồn sử dụng hợp lý KBTTN bán đảo Sơn Trà” của Đinh Thị Phương Anh và cộng sự, đã ghi nhận hệ thực vật của khu bảo tồn có 985 loài, thuộc 483 chi và 143 họ thực vật bậc cao có mạch, trong số này có 143 loài là cây thuốc [1]. Tiếp đó, trong dự án “Bảo tồn đa dạng sinh học KBTTN Sơn Trà” do Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện năm 2010 đã thống kê và lập Danh lục thực vật ở bán đảo Sơn Trà cũng bằng với số loài trước đó (985 loài), nhưng nhiều hơn 2 họ (145 họ), và trong đó chỉ ghi nhận có 138 loài cây thuốc [2]. Và mới nhất, đề tài “Đánh giá thực trạng cây thuốc trên địa bàn TP Đà Nẵng và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển”

được thực hiện trong 2 năm (2016-2017), Đặng Ngọc Phái và cộng sự đã ghi nhận ở KBTTN Sơn Trà có 302 loài, 231 chi, 101 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch có giá trị làm thuốc [3]. Hiện nay KBTTN Sơn Trà chịu rất nhiều áp lực từ phát triển kinh tế; việc quy hoạch phát triển du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng là hai yếu tố gây ảnh hưởng nhất đến tính đa dạng sinh học nói chung của KBTTN, trong đó có nguồn tài nguyên cây thuốc. Do đó, việc nghiên cứu, điều tra để đánh giá tính đa dạng của nguồn tài nguyên cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà nhằm góp phần vào công tác bảo tồn, sử dụng và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi đây là rất cần thiết ở hiện tại và cả trong tương lai.

## **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

### **Đối tượng nghiên cứu**

Tất cả các loài thực vật ở KBTTN Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

### **Phương pháp nghiên cứu**

**Phương pháp kế thừa:** tập hợp, phân tích, thu thập thông tin từ các công trình khoa học, các kết quả khảo sát đánh giá nhanh, sách, tạp chí, các tư liệu khoa học đã có liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

**Phòng vấn PRA (Participatory rapid appraisal):** phỏng vấn các thầy lang, thầy thuốc, những người thu hái, mua bán và người dân sống xung quanh KBTTN Sơn Trà về

\*Tác giả liên hệ: Email: [dvsonitb@gmail.com](mailto:dvsonitb@gmail.com)

# Diversity of medicinal plant resources from Son Tra Nature Reserve in Da Nang City

Nu Thi Nhu Quynh Ton<sup>1,2</sup>, Thi Dep Truong<sup>1</sup>,  
Van Son Dang<sup>3\*</sup>

<sup>1</sup>University of Medicine and Pharmacy in Ho Chi Minh City

<sup>2</sup>Hue Medical College

<sup>3</sup>Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology

Received 29 June 2018; accepted 14 August 2018

## Abstract:

A study into the medicinal plant resources from the Son Tra Natural Reserve - Da Nang City resulted in the identification of 657 species of medicinal plants belonging to 396 genera, 133 families of five phyla of vascular plants (*Psilotophyta*, *Lycopodiophyta*, *Polypodiophyta*, *Pinophyta*, and *Magnoliophyta*). Of those, 16 species were listed in the Vietnam Red Data Book (Part II, Plants, 2007) and in the International Union for Conservation of Nature (2017). The list of medicinal plants was categorised according to their (1) part of use, (2) mode of use and (3) therapeutic use. Life forms of medicinal plants were divided into seven groups including (1) grasses with 178 species (27.1%), (2) shrubs with 139 species (21.2%), (3) lianas with 122 species (18.6%), (4) big trees with 65 species (9.9%), (5) small trees with 138 species (21%), (6) hemiparasites with 9 species (1.4%), and (7) epiphytics with 6 species (0.9%).

**Keywords:** Da Nang, medicinal plants, plant resources, plants, Son Tra.

**Classification number:** 3.4

những kinh nghiệm sử dụng các loài cây làm thuốc và các bài thuốc gia truyền.

*Thu mẫu ngoài thực địa:* tiến hành điều tra theo tuyến ở những sinh cảnh đại diện có sự tham gia của người dân địa phương để thu thập mẫu tiêu bản cây thuốc, làm cơ sở để xác định tên taxon và xây dựng danh lục thành phần loài.

*Xử lý mẫu và giám định tên:* các mẫu tiêu bản sau khi mang về phòng thí nghiệm, tiếp tục được xử lý và sấy khô nhằm phục vụ công tác lưu trữ và giám định tên. Việc xác định tên khoa học và ghi nhận công dụng của cây thuốc được tiến hành theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ

sở các tài liệu chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (1999-2000) [4], Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam của Đỗ Huy Bích (2006) [5], Từ điển cây thuốc Việt Nam của Võ Văn Chi (2012) [6], Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (2009) [7]... đồng thời so mẫu và lưu giữ mẫu ở Bảo tàng thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Cập nhật tên khoa học của cây thuốc theo The Plant List (2018) [8]. Tổng hợp và lập danh lục cây thuốc theo Brummitt (1992) [9].

## Kết quả và thảo luận

### Đa dạng thành phần loài cây thuốc

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã ghi nhận được nguồn tài nguyên cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà có 657 loài, 396 chi, 133 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch là: Lá thông (*Psilotophyta*), Thông đất (*Lycopodiophyta*), Dương xỉ (*Polypodiophyta*), Thông (*Pinophyta*) và Ngọc lan (*Magnoliophyta*). Trong đó, ngành Lá thông có 1 loài thuộc 1 chi của 1 họ là Quyết lá thông (*Psilotaceae*); ngành Thông đất có 1 loài thuộc 1 chi của 1 họ là Quyết bá (*Selaginellaceae*); ngành Dương xỉ có 27 loài thuộc 17 chi của 13 họ là Ráng tổ điều (*Aspleniaceae*), Ráng dứa (*Blechnaceae*), Ráng mộc xỉ (*Dryopteridaceae*), Ráng tây sơn (*Gleicheniaceae*), Quạt xoè (*Lindsaeaceae*), Bông bong (*Lygodiaceae*), Rau bợ (*Marsileaceae*), Móng trâu (*Nephrolepidaceae*), Xà thiệt (*Ophioglossaceae*), Cốt toái bồ (*Polypodiaceae*), Chân xỉ (*Pteridaceae*), Ráng yếm dực (*Tectariaceae*) và Ráng thư dực (*Thelypteridaceae*); ngành Thông có 7 loài thuộc 2 chi của 2 họ là Tuế (*Cycadaceae*) và Dây gắm (*Gnetaceae*); ngành Ngọc lan có 621 loài thuộc 375 chi của 116 họ, trong đó có 547 loài thuộc lớp hai lá mầm và 74 loài thuộc lớp một lá mầm (bảng 1).

**Bảng 1. Phân bố các taxon trong các ngành thực vật.**

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
<i>Psilotophyta</i>	1	0,8	1	0,3	1	0,2
<i>Lycopodiophyta</i>	1	0,8	1	0,3	1	0,2
<i>Polypodiophyta</i>	13	9,8	17	4,3	27	4,1
<i>Pinophyta</i>	2	1,5	2	0,5	7	1,1
<i>Magnoliophyta</i>	116	87,2	375	94,7	621	94,5
<b>Tổng</b>	<b>133</b>	<b>100</b>	<b>396</b>	<b>100</b>	<b>657</b>	<b>100</b>

Đi sâu nghiên cứu về ngành Ngọc lan (*Magnoliophyta*) cho thấy: lớp Ngọc lan (*Magnoliopsida*) chiếm ưu thế với 547 loài (chiếm 83,3% tổng số loài cây thuốc), 322 chi (chiếm 81,3%) và 98 họ (chiếm 73,7%); trong khi đó lớp Hành (*Liliopsida*) có tỷ lệ thấp hơn với số loài là 74 (chiếm 11,3%), số chi là 53 (chiếm 13,4%) và số họ là 18 (chiếm 13,5%). Kết quả cho thấy lớp Ngọc lan là lớp có số lượng loài cây thuốc chiếm ưu thế trong ngành thực vật hạt kín cũng như trong toàn

hệ thực vật.

Tiến hành phân tích 10 họ và 10 chi có số lượng loài nhiều nhất cho kết quả như sau: ở cấp độ họ, có 10 họ thực vật giàu loài nhất với 275 loài, chiếm 44,9% tổng số loài cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà. Trong đó, họ có số lượng loài nhiều nhất phải kể đến là họ Đậu (*Fabaceae*) có 69 loài (chiếm 10,5%), kế đến là họ Thầu dầu (*Euphorbiaceae*) có 32 loài (4,9%), họ Dâu tằm (*Moraceae*) có 31 loài (4,7%), họ Cam chanh (*Rutaceae*) có 28 loài (4,3%), họ Hoa môi (*Lamiaceae*) có 26 loài (4,0%), họ Bông (*Malvaceae*) có 25 loài (3,8%), họ Cà phê (*Rubiaceae*) có 19 loài (2,9%), họ Diệp hạ châu (*Phyllanthaceae*) có 16 loài (2,4%), họ Trúc đào (*Apocynaceae*) có 15 loài (2,3%) và cuối cùng là họ Cúc (*Asteraceae*) có 14 loài (2,1%).

Ở cấp độ chi, 10 chi có số lượng loài có giá trị làm thuốc nhiều nhất với 82 loài, chiếm 13,4% tổng số loài cây thuốc. Trong đó, chi có số lượng loài nhiều nhất là chi Dâu tằm (*Ficus*) có 25 loài (chiếm 3,8%); kế đến là chi Cù đèn (*Croton*) có 9 loài (1,4%); các chi Cơm nguội (*Ardisia*), Kim cang (*Smilax*) và Bình linh (*Vitex*) mỗi chi có 7 loài (1,1%); chi Lài (*Jasminum*) và chi Ba bét (*Mallotus*) mỗi chi có 6 loài (0,9%); các chi Ráng can xi (*Asplenium*), Trảng quả (*Desmodium*) và Lữ đăng (*Lindernia*) mỗi chi có 5 loài (0,8%).

#### Đa dạng về dạng thân của cây thuốc

Theo cách phân chia dạng thân của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997, 2001) [10, 11] thì dạng thân của cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà được chia thành 7 nhóm chính là: cây thân thảo, cây bụi/bụi trườn, dây leo, gỗ lớn, gỗ nhỏ, bán ký sinh và phụ sinh. Trong đó, nhóm cây thân thảo (C) có số lượng loài nhiều nhất với 178 loài, chiếm 27,1% tổng số loài cây thuốc; nhóm cây bụi/bụi trườn (B) có 139 loài, chiếm 21,2%; nhóm dây leo (DL) có 122 loài, chiếm 18,6%; nhóm cây gỗ lớn (GL) có 65 loài, chiếm 9,9%; nhóm cây gỗ nhỏ (GN) có 138 loài, chiếm 21%; nhóm cây bán ký sinh (BKS) có 9 loài, chiếm 1,4% và nhóm cây phụ sinh (PS) có số lượng loài ít nhất với 6 loài, chiếm 0,9%.

#### Đa dạng về giá trị sử dụng của cây thuốc

Phân chia theo bộ phận dùng: từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi phân chia các bộ phận sử dụng của cây thuốc làm 7 nhóm chính bao gồm: toàn cây, thân - vỏ thân, rễ - vỏ rễ, lá, quả - hạt, hoa và bộ phận khác (tinh dầu, nhựa, bào tử...). Bộ phận được sử dụng nhiều nhất là rễ - vỏ rễ với 346 loài, chiếm 52,7% tổng số loài. Nó có thể được dùng tươi hoặc phơi khô. Kế đến là bộ phận lá với 271 loài, chiếm 41,2%. Thông thường lá sau khi thu hái về được phơi khô và bảo quản đúng quy định để sử dụng lâu dài và tránh giảm tác dụng chữa bệnh. Bộ phận dùng là thân - vỏ thân có 212 loài, chiếm 32,3%. Đây là bộ phận dễ thu hái với nhiều cách sử dụng khác nhau (sắc, hãm chè, nấu nước uống, nấu nước rửa, giã đắp, ...). Bộ phận dùng là toàn cây có 197 loài, chiếm 30%, thường là cây thân thảo, dễ thu hái và bảo quản nhất. Bộ phận dùng là quả - hạt có 128 loài, chiếm 19,5%. Ngoài ra, các bộ phận còn lại như hoa, tinh dầu, nhựa, bào tử, ... cũng được sử

dụng (hoa có 29 loài, chiếm 4,4%; bộ phận khác có 41 loài, chiếm 6,2%) (bảng 2).

**Bảng 2. Đa dạng các bộ phận sử dụng cây thuốc.**

STT	Bộ phận dùng cây thuốc	Số loài cây thuốc	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Toàn cây	197	30,0
2	Thân - vỏ thân	212	32,3
3	Rễ - vỏ rễ	346	52,7
4	Lá	271	41,2
5	Quả, hạt	128	19,5
6	Hoa	29	4,4
7	Bộ phận khác (tinh dầu, nhựa, bào tử,...)	41	6,2

Phân chia theo nhóm bệnh chữa trị: theo kinh nghiệm y học cổ truyền, một cây thuốc có thể chữa được nhiều bệnh và ngược lại kết hợp nhiều cây thuốc để chữa một bệnh. Theo tài liệu của một số tác giả như: Phạm Hoàng Hộ [4], Đỗ Huy Bích [5], Võ Văn Chi [6], Đỗ Tất Lợi [7] cũng như trong quá trình điều tra nghiên cứu, phỏng vấn các thầy lang, thầy thuốc và người dân địa phương, chúng tôi tạm chia cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà làm 19 nhóm bệnh chữa trị (bảng 3).

**Bảng 3. Các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc.**

STT	Nhóm công dụng của cây thuốc	Số loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cây thuốc dùng chữa bệnh tim	9	0,4
2	Cây thuốc dùng chữa đái đường	16	0,8
3	Cây thuốc dùng chữa hạ huyết áp	15	0,7
4	Cây thuốc có chất độc	11	0,5
5	Cây thuốc dùng chữa cầm máu	36	1,8
6	Cây thuốc chống siêu khuẩn, trị ung thư	12	0,6
7	Cây thuốc dùng chữa bệnh mắt, tai, mũi, răng, họng	114	5,6
8	Cây thuốc dùng trị giun sán	46	2,3
9	Cây thuốc dùng an thần, dễ ngủ, trấn kinh	28	1,4
10	Cây thuốc dùng đắp vết thương, rấn rết cắn	122	6,0
11	Cây thuốc dùng chữa bệnh phụ nữ	127	6,3
12	Cây thuốc dùng chữa ho, hen	161	8,0
13	Cây thuốc dùng chữa bệnh ở bộ máy tiêu hóa	183	9,1
14	Cây thuốc dùng chữa tê thấp, đau nhức	210	10,4
15	Cây thuốc dùng bồi dưỡng cơ thể	54	2,7
16	Cây thuốc dùng trị lỵ, ỉa chảy	199	9,9
17	Cây thuốc dùng chữa cảm sốt	178	8,8
18	Cây thuốc dùng chữa mụn nhọt, mẩn ngứa, sưng viêm	346	17,1
19	Cây thuốc dùng chữa bệnh về gan và thận	151	7,5

Từ bảng 3 cho thấy, nguồn tài nguyên cây thuốc ở khu bảo tồn được sử dụng chữa rất nhiều bệnh. Trong đó, cây thuốc chữa nhóm bệnh ngoài da (mụn nhọt, lở ngứa, sưng viêm...) chiếm tỷ lệ cao nhất (17,1%) với 346 loài và ít nhất là cây thuốc chữa nhóm bệnh tim với 9 loài, chiếm 0,4%. Một số loài cây thuốc được các thầy lang, thầy thuốc và người dân địa phương sử dụng phổ biến để chữa bệnh như Vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.), Hoàng đằng (*Fibraurea recisa* Pierre), Lá khô (*Ardisia silvestris* Pit.), Bìm ba răng (*Merremia tridentata* (L.) Hallier f.), Cườm thảo (*Abrus pulchellus* subsp. *mollis* (Hance) Verdc.), Bầm bầm lá nhỏ (*Entada rheedii* Spreng.)...

**Phân chia theo phương thức sử dụng:** trên cơ sở tổng hợp các cách chế biến và sử dụng cây thuốc để chữa bệnh mà có thể tạm chia phương thức sử dụng cây thuốc làm 2 nhóm là nhóm dùng ngoài và nhóm dùng đường uống. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, có 418 loài cây thuốc dùng ngoài và 643 loài cây thuốc dùng đường uống (bảng 4). Trong đó, giã đắp là phương thức dùng ngoài có số lượng loài nhiều nhất với 313 loài, và sắc uống là phương thức dùng uống có số lượng loài cao nhất với 561 loài. Theo kinh nghiệm cổ truyền, người dân địa phương có thể sử dụng cây tươi, cây khô hay vừa tươi vừa khô để chữa bệnh. Đối với nhóm cây tươi, thường là cây thân thảo hay cây có bộ phận dùng là lá, hoa, quả dùng giã đắp, bôi ngoài da, xông hơi, nấu nước uống hay làm rau ăn như Dền gai (*Amaranthus spinosus* L.), Cỏ lào (*Chromolaena odorata* (L.) R.M. King & H. Rob.), Rau tàu bay (*Crassocephalum crepidioides* (Benth.) S. Moore), Nhội (*Bischofia javanica* Blume), Rau đắng (*Glinus oppositifolius* (L.) Aug. DC.), Rau sộp (*Ficus superba* Miq.)... Đối với nhóm cây khô, cây thuốc thu hái về có thể được chặt nhỏ phơi khô hoặc sao ở các mức độ khác nhau dùng sắc uống, hầm chè, ngâm rượu uống như Hoa sữa (*Alstonia scholaris* (L.) R. Br.), Đại hoa đỏ (*Plumeria rubra* L.), Hà thủ ô (*Streptocaulon juvenas* (Lour.) Merr.), Guồ (*Willughbeia edulis* Roxb.), Ngũ gia bì chân chim (*Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin), Sói nhẵn (*Sarcandra glabra* (Thunb.) Nakai), Bầm bầm (*Entada phaseoloides* (L.) Merr.)...

**Bảng 4. Các phương thức sử dụng cây thuốc.**

Phương thức sử dụng	Phương thức chế biến	Số loài	Tổng số loài
Dùng ngoài	Nấu cao bôi	4	418
	Xông hơi	6	
	Ngâm rượu xoa bóp	13	
	Nấu nước tắm, gội, rửa	82	
	Giã đắp	313	
Dùng uống	Giã uống	12	643
	Ngâm rượu uống	37	
	Hầm chè (trà)	33	
	Sắc uống	561	

**Đa dạng về nguồn gen quý hiếm của cây thuốc**

Để có chính sách ưu tiên và biện pháp bảo vệ có hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc thì việc đánh giá mức độ đe dọa của các loài cây thuốc trong khu vực nghiên cứu đóng vai trò rất quan trọng. Theo Sách đỏ Việt Nam (SDVN 2007) [12] và Danh lục đỏ IUCN (2017) [13], thì KBTTN Sơn Trà có 16 loài cây thuốc (chiếm 2,4% tổng số loài) có giá trị bảo tồn. Trong đó, có 5 loài được xếp ở thứ hạng Ít nguy cấp - LR (Lower risk), 3 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp - EN (Endangered), 7 loài được xếp ở thứ hạng Sê nguy cấp - VU (Vulnerable), 1 loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp - CR (Critically Endangered) (bảng 5).

**Bảng 5. Các loài cây thuốc cần được bảo vệ.**

TT	Tên thực vật	SDVN (2007)	IUCN (2017)
1	Quyển bả ( <i>Selaginella tamariscina</i> (Beauv.) Spring)	VU	
2	Sơn tuế ( <i>Cycas inermis</i> Lour.)	VU	
3	Tuế lược ( <i>Cycas pectinata</i> Buch. -Ham.)	VU	
4	Hoa sữa ( <i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.)		LR
5	Hoè Bắc Bộ ( <i>Sophora tonkinensis</i> Gagnep.)	VU	
6	Chân danh Nam Bộ ( <i>Euonymus cochinchinensis</i> Pierre)		LR
7	Dầu lá bóng ( <i>Dipterocarpus turbinatus</i> C.F. Gaertn)		CR
8	Sao đen ( <i>Hopea odorata</i> Roxb.)		VU
9	Sến đỏ ( <i>Shorea roxburghii</i> G. Don)		EN
10	Chẹo bông ( <i>Engelhardtia spicata</i> Lechen ex Blume)		LR
11	Máu chó ( <i>Knema globularia</i> (Lam.) Warb. )		LR
12	Nắp ấm Trung Bộ ( <i>Nepenthes anamensis</i> Macfarl.)	EN	
13	Bình nước ( <i>Nepenthes mirabilis</i> (Lour.) Druce)		LR
14	Nguyệt quới nhẵn ( <i>Murraya glabra</i> (Guillaumin) Swingle)	VU	
15	Nân gừng ( <i>Dioscorea dissimulans</i> Prain & Burkill)	VU	
16	Thanh thiên quỳ ( <i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schltr.)	EN	

**Thảo luận**

Nguồn tài nguyên cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà khá phong phú và đa dạng. Chỉ trong phạm vi diện tích rừng khoảng 4.439 ha đã ghi nhận được 657 loài cây thuốc. Trong đó có nhiều loài không chỉ có giá trị khoa học mà còn có giá trị kinh tế cao như Lá khô (*Ardisia silvestris* Pit.), Cà gai leo (*Solanum procumbens* Lour.), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott), Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.), Mạch môn (*Ophiopogon japonicus* (Thunb.) Ker Gawl.), Bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.), Vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.)...

Nếu so với các nghiên cứu trước đó thì nghiên cứu này đã bổ sung một số lượng lớn các loài cây thuốc cho KBTTN Sơn Trà, cụ thể là đã bổ sung 355 loài so với nghiên cứu của Đặng Ngọc Phái và cộng sự năm 2017 (302 loài), 519 loài so với nghiên cứu của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội năm 2010 (138 loài) và 514 loài so với nghiên cứu của Đinh Thị Phương Anh và cộng sự năm 1997 (143 loài). Đồng thời, nghiên cứu cũng đã bổ sung mới 47 loài cây mới có tác dụng làm thuốc so với các nghiên cứu trước đó, nâng danh lục thực vật của khu bảo tồn từ 985 loài lên 1.032 loài.

Điều đặc biệt là trong số các loài được ưu tiên bảo tồn, tình trạng quần thể của 3 loài: Hoàng đằng (*Fibraurea recisa* Pierre), Lá khôì (*Ardisia silvestris* Pit.), Tuế Sơn trà (*Cycas inermis* Lour.) gần như còn nguyên trạng. Đây là thực thể hiếm thấy trong các quần hệ rừng khác ở nước ta hiện nay.

Bên cạnh sự đa dạng về giá trị nguồn gen, tài nguyên cây thuốc ở đây còn có giá trị sử dụng cao dùng làm nguồn nguyên liệu chiết xuất các hợp chất tự nhiên có hoạt tính cao được dùng để làm thuốc như: Vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.) dùng để chiết xuất berberin, Hoàng đằng (*Fibraurea recisa* Pierre) chiết palmatin. Các hợp chất này thuộc nhóm alkaloid có tác dụng chữa tiêu chảy, lỵ, nhiễm khuẩn đường tiêu hoá. Chóp mao (*Salacia chinensis* L.) chứa các hợp chất terpenoid có tác dụng hạ đường huyết. Ngũ gia bì chân chim (*Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin) dùng làm nguyên liệu chiết xuất các hợp chất saponin có tác dụng lợi tiểu, chống viêm. Ngoài ra còn nhiều loài cây thuốc khác có chứa các hợp chất tự nhiên có tác dụng chữa bệnh.

Hiện nay KBTTN Sơn Trà có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái nên việc quy hoạch phát triển du lịch và xây dựng một số cơ sở hạ tầng khác đã làm thu hẹp và chia cắt địa hình, ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi đây, nhất là tài nguyên cây thuốc.

### Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, nguồn tài nguyên cây thuốc ở KBTTN Sơn Trà có 657 loài, 396 chi, 133 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch là: Lá thông (*Psilotophyta*), Thông đất (*Lycopodiophyta*), Dương xỉ (*Polypodiophyta*), Thông (*Pinophyta*) và Ngọc lan (*Magnoliophyta*). Trong đó có 47 loài cây mới so với các nghiên cứu trước đây, nâng

danh lục thực vật của khu bảo tồn từ 985 loài lên 1.032 loài. Đồng thời, nghiên cứu cũng đã ghi nhận được 16 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục đỏ của IUCN (2017).

Có 7 nhóm dạng thân chính gồm nhóm thân thảo, cây bụi, dây leo, cây gỗ lớn, cây gỗ nhỏ, bán ký sinh và phụ sinh.

Đã ghi nhận được 7 nhóm bộ phận sử dụng, 2 phương thức dùng và 19 nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Thị Phương Anh, Nguyễn Tấn Lê và nhiều người khác (1995-1997), *Điều tra khu hệ động - thực vật và nhân tố ảnh hưởng, đề xuất phương án bảo tồn và sử dụng hợp lý KBTTN bán đảo Sơn Trà*, Báo cáo kết quả đề tài, lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ TP Đà Nẵng.
- [2] Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (2010), *Dự án bảo tồn đa dạng sinh học KBTTN Sơn Trà - Tập Danh lục thực vật KBTTN Sơn Trà*, Báo cáo kết quả đề tài, lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ TP Đà Nẵng.
- [3] Đặng Ngọc Phái, Phan Công Tuấn, Nguyễn Tập (2016-2017), *Đánh giá thực trạng cây thuốc trên địa bàn TP Đà Nẵng và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển*, Báo cáo khoa học.
- [4] Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000), *Cây cỏ Việt Nam*, **Quyển 1, 2, 3**, Nxb Trẻ.
- [5] Đỗ Huy Bích (Chủ biên) (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, **Tập 1, 2**, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
- [6] Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, **Tập 1, 2**, Nxb Y học.
- [7] Đỗ Tất Lợi (2009), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học.
- [8] <http://www.theplantlist.org/>
- [9] R.K. Brummitt (1992), *Vascular plant families and genera*, Royal Botanic Gardens, Kew.
- [10] Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật*, Nxb Nông nghiệp.
- [11] Nguyễn Nghĩa Thìn (2001), *Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông, Nghệ An*, Nxb Nông nghiệp.
- [12] Bộ Khoa học và Công nghệ (2007), *Sách Đỏ Việt Nam - Phần Thực vật*, Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ.
- [13] <http://www.iucnredlist.org>